

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **154** /QĐ-HĐTV

Quận 6, ngày **30** tháng **6** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty Trách nhiệm hữu hạn
một thành viên Dịch vụ công ích quận 6.**

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015;

Theo đề nghị của Hội đồng thành viên và biên bản cuộc họp ngày 08 tháng 12 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ công ích quận 6 (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị phụ thuộc công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND TPHCM;
- Chi cục Tài chính DN;
- Ban Quản lý Đầu tư DN;
- Ủy ban nhân dân quận 6;
- Kiểm soát viên công ty;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tiếng

Handwritten signature and a faint circular stamp.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY

(Kèm theo Quyết định số: 154/QĐ-HĐTV ngày 30 tháng 6 năm 2022
của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 6)



Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

- Quy chế này quy định việc quản lý tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 6.
- Những nội dung quản lý tài chính không đề cập trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty: Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 6.
2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
3. Ban quản lý điều hành công ty: gồm Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty.
4. Vốn Điều lệ của công ty: vốn do Cơ quan đại diện chủ sở hữu đầu tư tại công ty và các nguồn vốn hợp pháp khác được ghi vào Điều lệ của công ty.
5. Vốn của công ty: vốn do Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty đầu tư tại công ty, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.
6. Vốn huy động của công ty: vốn công ty huy động theo các hình thức phát hành trái phiếu, vay vốn của các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính khác, của các cá nhân trong và ngoài nước, của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
7. Vốn tích lũy: vốn của công ty được hình thành từ kết quả sản xuất kinh doanh.

8. *Bảo tồn vốn của Nhà nước tại công ty*: là việc giữ nguyên, không làm thâm hụt vốn Nhà nước tại công ty trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

9. *Tài sản của công ty*: tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, các khoản cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ dài hạn và các tài sản cố định khác); tài sản lưu động (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động khác và chi sự nghiệp) được hình thành từ vốn điều lệ của công ty, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do công ty quản lý sử dụng.

10. *Đơn vị trực thuộc*: các đơn vị hạch toán phụ thuộc và không có tư cách pháp nhân theo luật pháp Việt Nam gồm các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ, các Đội lao động trực tiếp (Vệ sinh, Duy tu, Quản lý cây xanh, Quản lý nhà, Phân xưởng sửa chữa cơ khí.)

Chương II

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Mục 1

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY

Điều 3: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của công ty được ghi trong giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của công ty.

2. Căn cứ vào nhu cầu vốn để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển, hiệu quả hoạt động của công ty và nguồn bổ sung vốn điều lệ, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ của công ty sau khi trình Thủ tướng Chính phủ phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ và được Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư, bổ sung vốn điều lệ.

3. Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty: Phương thức xác định, điều chỉnh vốn điều lệ; Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung vốn điều lệ và cấp bổ sung vốn điều lệ đối với Công ty được thực hiện theo Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; khoản 1 Điều 2 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08

tháng 3 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 4. Huy động vốn

Công ty được huy động vốn của mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ nhu cầu kinh doanh.

1. Hình thức huy động vốn:

- Phát hành trái phiếu;
- Vay vốn của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước;
- Vay vốn của người lao động;
- Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc huy động vốn:

- Việc huy động vốn phải đảm bảo khả năng thanh toán nợ và có phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức vốn huy động để phục vụ sản xuất, kinh doanh của công ty đảm bảo Nợ phải trả không vượt quá 3 lần Vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn, trong đó:

- Vốn chủ sở hữu được xác định không bao gồm chỉ tiêu: “Nguồn kinh phí và quỹ khác”.

+ Nợ phải trả được xác định không bao gồm các chỉ tiêu: “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”, “Quỹ bình ổn giá”, “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ”.

- Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo huy động vốn được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả.

- Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức, cá nhân cho vay theo quy định của pháp luật; Mức lãi suất vay vốn trong nước tối đa không vượt quá mức lãi suất cho vay cùng thời hạn của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm vay vốn. Trường hợp công ty mở tài khoản giao dịch ở nhiều ngân hàng thì mức lãi suất huy động vốn tối đa không được vượt quá lãi suất cho vay cao nhất cùng thời hạn của ngân hàng thương mại mà công ty mở tài khoản giao dịch.

- Việc huy động vốn của các tổ chức, cá nhân nước ngoài được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý nợ nước ngoài.

- Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản có liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

3. Thẩm quyền huy động vốn:

- Hội đồng thành viên quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động vốn tối đa không quá 50% Vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công đồng thời thỏa nguyên tắc tại khoản 2 Điều này.

- Trường hợp công ty có nhu cầu huy động vốn vượt quy định như trên, huy động vốn của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, Hội đồng thành viên báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định.

Điều 5. Bảo toàn vốn

1. Hội đồng thành viên Công ty có trách nhiệm:

- Bảo toàn và phát triển vốn của công ty;
- Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính mọi biến động về tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư vào công ty để theo dõi, giám sát.

2. Việc bảo toàn vốn nhà nước tại công ty được thực hiện bằng các biện pháp sau:

- Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.
- Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.
- Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

- + Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- + Dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- + Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chính;
- + Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp.

3. Việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, bảo hành công trình xây lắp tại công ty... thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Định kỳ hàng năm công ty đánh giá mức độ bảo toàn vốn của công ty, phương pháp đánh giá như sau:

- Sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của công ty không phát sinh lỗ hoặc có lãi, công ty bảo toàn vốn.

- Trường hợp sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ (bao gồm các trường hợp còn lỗ lũy kế), công ty không bảo toàn được vốn.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ công ty trong việc sử dụng vốn và quỹ do công ty quản lý.

1. Công ty được quyền chủ động sử dụng vốn và quỹ do công ty quản lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Công ty chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu về hiệu quả sử dụng vốn, việc bàn giao và phát triển vốn do cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty đầu tư cũng như vốn do công ty tự huy động; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số tài sản của công ty.

Mục 2

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY

Điều 7. Đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định của công ty

1. Tài sản cố định của công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình. Tiêu chuẩn để xác định tài sản cố định được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Công ty được thuê tài sản để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

3. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định của công ty:

- Hội đồng thành viên quyết định việc thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định có giá trị không quá 50% Vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

- Hội đồng thành viên công ty quyết định phân cấp cho Giám đốc công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định trong phạm vi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ của công ty, theo đó:

+ Những dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định trong phạm vi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ của công ty có giá trị dưới 200 triệu đồng sẽ do Giám đốc tự quyết định và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên công ty và pháp luật;

+ Những dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định trong phạm vi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ của công ty có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên phải có ý kiến bằng văn bản hoặc nghị quyết của Hội đồng thành viên.

- Trường hợp dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị hơn 50% Vốn chủ sở hữu của công ty, Hội đồng thành viên báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty xem xét, phê duyệt.

4. Trường hợp mua sắm tài sản cố định cũ, đã qua sử dụng có giá trị lớn hơn 100 triệu đồng, công ty phải thuê tổ chức có chức năng kiểm định chất lượng và thẩm định giá nhằm xác định giá làm cơ sở đầu tư tài sản

5. Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Người quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu quyết định không đúng thẩm quyền hoặc tài sản cố định được đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê không sử dụng được, sử dụng không hiệu quả.

Điều 8. Quản lý, sử dụng tài sản cố định

1. Công ty xây dựng, ban hành, thực hiện quy chế quản lý, sử dụng tài sản cố định.

2. Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn.

Điều 9. Khấu hao tài sản cố định

Việc trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

Điều 10. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật. Trong đó, Hội đồng thành viên quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị dưới 50% Vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê tài sản nhưng giá trị còn lại của tài sản cho thuê không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Đối với công ty được thành lập để thực hiện thương xuyên, ổn định sản xuất, cung ứng sản phẩm công ích, khi cho thuê, cầm cố, thế chấp những tài sản trực tiếp phục vụ nhiệm vụ công ích phải có sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

1. Công ty chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

- Hội đồng thành viên giải quyết các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại dưới 50% Vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Hội đồng thành viên công ty được quyền quyết định ủy quyền hoặc phân cấp cho Giám đốc công ty quyết định nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

- Đối với các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên thì Hội đồng thành viên công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định.

- Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của công ty không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư thì công ty phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả

năng thu hồi vốn báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

- Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư, mua sắm đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong thời gian 03 năm đầu nhưng không đạt hiệu quả kinh tế theo dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công ty không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn đến công ty không trả được nợ vay theo kế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

- Việc nhượng bán tài sản cố định được thực hiện bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do công ty tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

- Trường hợp giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng thì Giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường.

- Trường hợp tài sản không có giao dịch trên thị trường thì công ty được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo phương thức trên.

- Trường hợp chuyển nhượng tài sản cố định gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Trình tự, thủ tục, thanh lý, nhượng bán tài sản:

- Thực hiện theo khoản 4 Điều 27 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Điều 12. Quản lý hàng tồn kho

Hàng tồn kho là hàng hóa mua về để bán còn tồn kho, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua, đang trên đường, sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm đang gửi bán.

1. Hàng tồn kho là công cụ, dụng cụ lao động được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh không quá 03 năm tùy thuộc vào tính chất và giá trị tài sản. khi phân bổ hết giá trị nhưng vẫn còn giá trị sử dụng thì phải tiếp tục theo dõi chi tiết để quản lý.

2. Công ty có trách nhiệm xử lý ngay những hàng tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy chế này.

3. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Điều 13. Quản lý các khoản nợ phải trả, nợ phải thu

1. Công ty phải xây dựng, ban hành, thực hiện quy chế quản lý nợ. Quy chế quản lý nợ phải quy định nhiệm vụ, trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, đối chiếu, xác nhận, thanh toán, thu hồi nợ.

2. Công ty thực hiện quản lý nợ phải trả như sau:

- Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm các khoản lãi phải trả, theo dõi nợ phải trả theo từng đối tượng nợ, cân đối dòng tiền bảo đảm thanh toán nợ; thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết.

- Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc công ty có trách nhiệm thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn.

- Trường hợp quản lý để phát sinh nợ phải trả quá hạn, nợ không có khả năng thanh toán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà Hội đồng thành viên, người có liên quan phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp.

- Các khoản nợ phải trả mà không phải trả, không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập của công ty.

3. Công ty thực hiện quản lý nợ phải thu như sau:

- Mở sổ theo dõi các khoản nợ phải thu theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ để đôn đốc thu hồi nợ.

- Trường hợp quản lý nợ dẫn đến thất thoát vốn chủ sở hữu hoặc bán nợ dẫn đến doanh nghiệp bị thua lỗ, mất vốn, mất khả năng thanh toán, giải thể, phá sản, Hội đồng thành viên, người có liên quan phải bồi thường thiệt hại và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

- Nợ phải thu không có khả năng thu hồi, công ty có trách nhiệm xử lý: sau khi trừ tiền bồi thường cá nhân, tập thể có liên quan, số còn lại được bù đắp bằng khoản dự

phòng nợ phải thu khó đòi. Nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của công ty. Nợ không có khả năng thu hồi sau khi xử lý như trên, công ty vẫn phải theo dõi và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập của công ty.

- Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Việc bán nợ chỉ được thực hiện đối với các tổ chức kinh tế có khả năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán nợ trực tiếp cho đối tượng nợ. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp bán nợ mà dẫn đến công ty bị thua lỗ, mất vốn hoặc mất khả năng thanh toán dẫn đến tình trạng công ty phải giải thể, phá sản thì Hội đồng thành viên và người có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh các khoản nợ khó đòi phải bồi thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 14. Kiểm kê, đối chiếu tài sản, công nợ

Công ty phải tổ chức kiểm kê, xác định số lượng tài sản, đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của công ty; các trường hợp khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 15. Xử lý kết quả kiểm kê

1. Việc xử lý kết quả kiểm kê thực hiện theo điểm a, b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính Về hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

2. Những trường hợp đặt biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, công ty không thể tự khắc phục được thì Hội đồng thành viên lập phương án tổn thất trình cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính có thẩm quyền. Sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc xử lý tổn thất theo thẩm quyền.

3. Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, công nợ, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản, công nợ không được xử lý thì Hội đồng thành viên Giám đốc chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu như trường hợp báo

cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất tài sản của doanh nghiệp.

Điều 16. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty thực hiện lại đánh giá tài sản trong các trường hợp sau:
 - Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - Thực hiện chuyển đổi cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty; cổ phần hóa, bán công ty, đa dạng hóa hình thức sở hữu;
 - Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài công ty;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải đúng theo quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Mục 3

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Điều 17. Xác định doanh thu, chi phí, giá thành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nghĩa vụ nộp thuế.

Thực hiện theo pháp luật thuế, các văn bản pháp luật và chuẩn mực kế toán hiện hành.

Điều 18. Quản lý doanh thu và thu nhập khác.

1. Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập khác.

1.1 Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gồm:

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh thông thường: là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán hàng hóa, cung cấp sản phẩm dịch vụ công ty được khách hàng chấp nhận thanh toán sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng hóa bị trả lại (nếu có chứng từ hợp lệ).
- Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền, cho thuê tài sản, tiền lãi cho vay vốn, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn và lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư ra ngoài công ty; thu lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính; chênh lệch do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

1.2 Thu nhập khác gồm:

- Các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản, các khoản phải trả nay mất chủ; tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Tiền nộp phạt của khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Giá trị quà biếu, quà tặng; khoản thu nhập của năm trước hạch toán thiếu, khoản nợ không có khả năng thu hồi đã xử lý nay thu hồi được và các khoản thu khác.

2. Công ty được sử dụng toàn bộ doanh thu để bù đắp các chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

3. Điều kiện và thời điểm xác định doanh thu: căn cứ quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 19. Quản lý chi phí

Chi phí hoạt động kinh doanh của công ty là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh mà công ty phải bỏ ra trong năm tài chính. Việc phân loại chi tiết chi phí theo hướng dẫn của Nhà nước và yêu cầu quản lý của công ty. Công ty phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí để giảm chi phí và giá thành sản phẩm nhằm tăng lợi nhuận bằng các biện pháp quản lý chủ yếu sau:

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện đơn giá tiền lương, các định mức kinh tế- kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với các đặc điểm kinh tế kỹ thuật, ngành nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của công ty trình Hội đồng thành viên.

- Các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, hình thức trả lương phải được công ty công bố công khai cho người lao động trong công ty biết để thực hiện, kiểm tra, giám sát.

- Trường hợp thực hiện vượt các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm của cá nhân, tập thể để xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại. Hội đồng thành viên quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Công ty xây dựng kế hoạch chi phí theo từng khoản mục chi phí để quản lý chi phí cho năm tài chính. Thực hiện các biện pháp về giá trong mua, bán để đảm bảo các khoản chi phí có giá cạnh tranh như: đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...

3. Định kỳ 6 tháng, công ty tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nhằm phát hiện những hạn chế trong quá trình sản xuất kinh doanh, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.

4. Các khoản chi phí phải đảm bảo hợp lý và có đầy đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật. Các khoản chi sai, chi không đúng đối tượng hoặc không có chứng từ, chứng từ không hợp lệ không được hạch toán vào chi phí. Người nào quyết định các khoản chi sai nguyên tắc, sai chế độ phải chịu trách nhiệm bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 20. Giá thành sản phẩm

- Tổng giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ bao gồm: giá thành sản phẩm hàng hóa, chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ; chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ (hoặc giá vốn hàng bán ra); chi phí quản lý công ty phát sinh trong kỳ.

- Nguyên tắc và phương pháp xác định giá thành sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Lợi nhuận thực hiện

Lợi nhuận thực hiện trong kỳ của công ty là tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

1. Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ với giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

- Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

2. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữ thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 22. Phân phối lợi nhuận

Doanh nghiệp thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; Điều 2 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; khoản 4 Điều 4 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính. Lợi nhuận thực hiện của công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự sau:

1. Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

2. Bù đắp các khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

3. Trích quỹ đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

4. Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp.

5. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp:

* Công ty xếp loại A; B; C được trích tương ứng 03; 1,5; 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

* Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

* Tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập quỹ: căn cứ quỹ tiền lương thực hiện trong năm tài chính của người lao động của doanh nghiệp đã được phê duyệt và được xác định theo quy định tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) chia (:) cho 12 tháng.

* Mức trích vào mỗi quỹ do Hội đồng thành viên quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn công ty.

6. Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên:

* Công ty xếp loại A; B được trích tương ứng 1,5; 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.

* Công ty xếp loại C hoặc doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.

* Tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập quỹ: căn cứ quỹ tiền lương, thù lao thực hiện trong năm tài chính của người quản lý doanh nghiệp (chuyên trách và không chuyên trách) đã được chủ sở hữu phê duyệt và được xác định theo quy định của Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), chia (:) cho 12 tháng.

7. Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì Công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

8. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định như trên được nộp về ngân sách nhà nước.

Điều 23. Quản lý và sử dụng các quỹ

1. Việc sử dụng các quỹ của công ty phải đúng mục đích, đúng đối tượng:

- Công ty phải xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ công ty; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành Công đoàn Công ty và công khai trong công ty trước khi thực hiện.

- Trong năm tài chính, công ty chủ động tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển công ty và bổ sung vốn điều lệ cho công ty.

3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong công ty (bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp làm việc theo hợp đồng lao động). Không dùng quỹ khen thưởng của công ty để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng).

- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

- Mức thưởng do Giám đốc công ty quyết định được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của công ty.

4. Quỹ phúc lợi: theo khoản 4 Điều 32 Nghị định 91/2015/NĐ-CP, quỹ phúc lợi được dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của công ty.
- Chi các hoạt động phúc lợi của người lao động trong công ty bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên làm việc theo hợp đồng lao động lẫn do nhà nước bổ nhiệm.
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.
- Trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.
- Mức chi sử dụng quỹ do Giám đốc công ty quyết định được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của công ty.

5. Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được dùng để:

- Thưởng hàng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng công ty.
- Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên và hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên.
- Trường hợp người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì công ty sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của công ty để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

Mục 4

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 24. Kế hoạch tài chính

1. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của công ty và nhu cầu thị trường, công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Hội đồng thành viên công ty quyết định.
2. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Hội đồng thành viên công ty quyết định, công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

3. Sau khi nhận được kế hoạch tài chính của công ty, cơ quan đại diện chủ sở hữu phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp rà soát lại kế hoạch tài chính do công ty lập từ đó có ý kiến để công ty hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi được hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp giám sát đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Điều 25. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán.

Công ty tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

Thực hiện theo Điểm g, h Khoản 1 Điều 23 Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm, hàng năm của công ty phải được kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan nhà nước và công bố theo thời gian quy định.

Điều 26. Báo cáo tài chính, thống kê và các báo cáo khác.

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm) công ty phải lập, trình bày, gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cho các cơ quan nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và thực hiện công khai tài chính.

2. Ngoài các báo cáo tài chính, thống kê định kỳ lập và gửi theo quy định nêu trên, công ty phải thực hiện lập, gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước.

Mục 5

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY

Điều 27. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty:

1. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

2. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không được đem cho, tặng tài sản của công ty cho bất kỳ đối tượng nào.

3. Hàng năm phải báo cáo về kết quả quản lý, giám sát hoạt động của công ty cho cơ quan đại diện chủ sở hữu, kết quả xếp hạng của công ty.

4. Trường hợp vi phạm Điều lệ công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ quyền hạn gây thiệt hại cho công ty và nhà nước thì có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác chưa đến mức độ truy cứu trách nhiệm hình sự; quyết định các dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn, không trả được nợ vay; hoặc để công ty thua lỗ, mất vốn, không đảm bảo lương tối thiểu cho người lao động sẽ bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm.

6. Các nghĩa vụ khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng thành viên:

1. Hội đồng thành viên, thực hiện chức năng quản lý công ty, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của công ty.

- Xây dựng và quyết định chiến lược phát triển, phương án tổ chức kinh doanh của công ty. Việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh của công ty, hoặc những chiến lược đầu tư vào các ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro cao phải được sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Quyết định, phê duyệt các dự án đầu tư, hợp đồng mua bán, vay và các hợp đồng khác có giá trị dưới 50% giá trị vốn chủ sở hữu công ty.

- Quyết định các dự án đầu tư ra ngoài công ty trong phạm vi tổng giá trị đầu tư tài chính dưới 50% vốn chủ sở hữu công ty.

- Quyết định các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá 50% giá trị vốn chủ sở hữu công ty.

- Nhận và chịu trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo tồn và phát triển vốn nhà nước. Hoàn thành các nghĩa vụ, các mục tiêu mà nhà nước giao cho; chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Các nhiệm vụ khác thực hiện theo Điều lệ và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của kiểm soát viên.

Thực hiện theo Quy chế Kiểm soát của Kiểm soát viên đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Quyết định các dự án đầu tư ra ngoài công ty, phương án vay vốn, phương án, mua sắm, thanh lý, nhượng bán tài sản, các hợp đồng mua bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các hợp đồng kinh tế khác theo phân cấp của Hội đồng thành viên.

2. Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm, hàng quý phù hợp với kế hoạch đầu tư và kinh doanh trình Hội đồng thành viên thông qua.

3. Xây dựng và ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật phù hợp với các điều kiện kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật làm cơ sở quản lý chi phí trong công ty.

4. Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc huy động, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn theo kế hoạch, thẩm quyền huy động, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn đã được Hội đồng thành viên thông qua.

5. Khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác khi đến hạn phải trả thì:

- Chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ tại khoản này.

- Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty với Hội đồng thành viên của công ty.

6. Trường hợp triển khai thực hiện các dự án đầu tư không đúng kế hoạch, tiến độ, chất lượng dẫn đến công ty bị thiệt hại, tùy theo mức độ sẽ bị miễn nhiệm hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

1. Phó Giám đốc:

- Giúp giám đốc điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký hợp đồng kinh tế hoặc liên quan đến việc sử dụng con dấu của công ty đều phải được thực hiện bằng văn bản.

2. Kế toán trưởng:

- Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.
- Tuân thủ các chế độ kế toán doanh nghiệp theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

- Giúp Giám đốc tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh, nghiên cứu cải tiến sản xuất, cải tiến quản lý kinh doanh...và củng cố, hoàn thiện chế độ hạch toán kế toán và tài chính theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý của công ty. Kiểm tra, rà soát về công tác thực hiện và tuân thủ Quy chế quản lý tài chính đã ban hành.

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng thành viên và pháp luật về nghiệp vụ chuyên môn và các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm của Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Điều khoản thi hành

1. Quy chế tài chính này bao gồm 3 Chương 32 Điều, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý tài chính theo các quy định tại Quy chế này.

2. Đối với những điều khoản không thể hiện trong quy chế này, công ty phải thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

4. Việc sửa đổi và bổ sung Quy chế này do Hội đồng thành viên công ty phê duyệt trên cơ sở kiến nghị của Giám đốc công ty./.

**CÔNG TY TNHH MTV
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6**